

## **NOTICE OF VOTING ORDER PRIORITY**

Pursuant to Section 63.0013, Election Code:

An election officer may give **voting order priority** to individuals with a **mobility problem** that substantially impairs the person's ability to move around.

- A person assisting an individual with a mobility problem may also, at the individual's request, be given voting order priority.
- Disabilities and conditions that may qualify you for voting order priority include paralysis, lung disease, the use of portable oxygen, cardiac deficiency, severe limitation in the ability to walk due to arthritic, neurological, or orthopedic condition, wheelchair confinement, arthritis, foot disorder, the inability to walk 200 feet without stopping to rest, or use of a brace, cane, crutch, or other assistive device.
- Voters who wish to be given voting order priority, and be accepted for voting before others in line to vote at that polling place, may indicate this to any election officer serving at the polling place. The presiding election judge will determine whether the voter and the voter's assistant, if applicable, will be brought forward to the front of the line.

## **AVISO de PRIORIDAD de ORDEN de VOTACIÓN**

De conformidad con la Sección 63.0013, Código Electoral:

Un oficial de elecciones puede dar **prioridad de orden de votación** a individuos con un **problema de movilidad** que dificulta sustancialmente la capacidad de la persona para moverse.

- Una persona que asiste a un individuo con un problema de movilidad también puede, a petición del individuo, ser dado prioridad en el orden de votación.
- Discapacidades y condiciones que pueden calificarle para prioridad de orden de votación incluyen parálisis, enfermedad pulmonary, el uso de oxígeno portátil, deficiencia cardíaca, limitación severa en la habilidad para caminar debido a condiciones artríticas, neurológicas u ortopédicas, confinamiento de silla de ruedas, artritis, trastorno de pie, la incapacidad para caminar 200 pies sin parar para descansar, o el uso de una abrazadera, bastón, muleta u otro dispositivo de ayuda.
- Votantes que desean recibir prioridad de orden de votación, y ser aceptados para votar antes que otros en la fila para votar en el lugar de votación, pueden indicar esto a cualquier funcionario de elecciones que prestan servicios en el lugar de votación. El juez presidente de elecciones determinará si el votante y el asistente del votante, si es aplicable, serán adelantado al frente de la línea.

## 投票所次序優先權通告

根據選舉法第63.0013節的規定：

個人如有嚴重影響其移動能力的**行動不便問題**，選舉官員可給予**投票次序優先權**。

- 對於為行動不便者提供協助的人士，在個人要求下，也可給予投票次序優先權。
- 可能讓您有資格獲得投票次序優先權的殘疾和疾病包括：☒☒，肺部疾病，使用便攜式氧氣，心臟缺陷，因關節炎、神經系統疾病或骨科疾病而導致行走能力嚴重受限，須坐輪椅，關節炎，足部疾病，在不休息的狀態下無法行走200英尺，或使用支具、拐杖、腋杖或其他輔助器具。
- 選民若希望獲得投票次序優先權，並在投票所投票隊列中優先進行投票，可向投票所的選舉官員表明此要求。首席選舉法官將決定是否將選民及其協助者（如有）安排在隊列的前面。

## THÔNG BÁO VỀ QUYỀN ƯU TIÊN THỨ TỰ BỎ PHIẾU

Chiếu theo Mục 63.0013, Bộ Luật Bầu Cử

Một viên chức bầu cử có thể **ưu tiên thứ tự bỏ phiếu** cho các cá nhân có **vấn đề về vận động** làm hạn chế đáng kể khả năng tự thân di chuyển.

- Người đi theo giúp đỡ cá nhân có vấn đề về vận động, theo yêu cầu cá nhân, cũng có thể được ưu tiên thứ tự bỏ phiếu.
- Những khuyết tật và các điều kiện cho phép Quý vị nhận được sự ưu tiên thứ tự bỏ phiếu bao gồm bại liệt, bệnh phổi, sử dụng bình oxy di động, thiếu máu tim, giới hạn nghiêm trọng về khả năng đi bộ do tình trạng viêm khớp, thần kinh, hoặc điều kiện chỉnh hình, ngời xe lăn, viêm khớp, chân khuyết tật, không có khả năng đi bộ 200 feet mà không dừng lại để nghỉ ngơi, hoặc sử dụng nẹp, gậy, nạng, hoặc các thiết bị hỗ trợ khác.
- Những người bỏ phiếu muốn được quyền ưu tiên thứ tự bỏ phiếu, và được chấp nhận bỏ phiếu trước những người khác nơi tại nơi bỏ phiếu đó, có thể khai báo rõ những điều kiện này cho bất kỳ viên chức bầu cử nào phục vụ tại nơi bỏ phiếu. Trưởng ban điều hành cuộc bầu cử sẽ xác định xem cử tri và người giúp đỡ cử tri, nếu có thể, sẽ được ưu tiên đưa lên phía trước hàng đợi hay không.